



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

LÊ
Last

TRUNG
Middle

TÂN
First

Current Address

260/4, Tô 2, Đường Lê Lợi, Phường 7, Đặc Khu

Date of Birth

26-05-1953

Place of Birth

Phước Hải, Long An, Bình Nhưỡng

Previous Occupation (before 1975)
(Rank & Position)

Thiếu úy Tân Sĩ Quan, Đơn Vị Tiểu Đán
6 Nhảy Dù

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates : From

05-05-75

To

15-11-1980

3. SPONSOR'S NAME:

LÊ TÀI
Name

ĐỨC

Address & Telephone

Telephone:

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

Lê Thị Đức

Chi

Lê Quang Đạo

Anh

Lê Chí Thiện

Anh

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ TRUNG TÂN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Trần Thị Túy Hằng	24.11.1957	Vợ.
Lê Chơn Giác	08.01.1983	Con trai.
Lê Chơn Chánh	13.01.1984	Con trai.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ TRUNG TÂN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 05 - 26 - 1953, Phước Hải Long Đất Bình Nh.
(Nam, nơi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : Nam Female (Nu) : /
MARITAL STATUS Single (Doc than) : / Married (Co lap gia dinh) : X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 260/4, Tổ 2 đường Lê Lợi, Phường 7 Đặc khu
(Dia chi tai Viet-Nam) Vũng Tàu, Côn Đảo.
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) Có No (Khong) /
If Yes (Neu co) : From (Tu) : 06.06.1975 To (Den) : 15.11.1980
PLACE OF RE-EDUCATION: Trại Tân Hiệp B, Trại Bàu Lắm, Khám trường B.
CAMP (Trai tu) Trại Z 30C Hầm Tàn Thuận Hải.
PROFESSION (Nghe nghiep) : Đạp xích lô.
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : /
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : Thiếu úy Tàn Sĩ Quan.
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : / Date (nam) : /
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : /
IV Number (So ho so) : /
No (Khong) : Không.
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 3 Người (Ba).
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi :
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 260/4 Tổ 2 đường Lê Lợi
Phường 7 Đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo.
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)
Lê Thị Diễm,
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : Có No (Khong) : /
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : Chi.
NAME & SIGNATURE: Lê Trung Tân TanLoi
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) 260/4 Tổ 2.
Phường 7, Đặc khu Vũng Tàu Côn - Đảo.
DATE: 06 28 1989
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ TRUNG TÂN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Trần Thị Túy Hằng	24-11-1957	Vợ.
Lê Chơn Giác	08-01-1983	Con trai.
Lê Chơn Chánh	13-04-1984	Con trai.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjablum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : LÊ TRUNG TÂN Sex: Phái NAM
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 26 - 05 - 1953 Phước Hải Long An
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : Đông Ngai, 260/4, Tô 2, đường Lê-Lỗ, Phường 7, Đắc Khu Vũng Tàu Côn Đảo, Việt Na.
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : _____
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Đạp Xích Lô

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relat Liên-hệ	ship ia-đình
1. <u>Trần Thị Tuyết Hằng</u>	<u>24.11.1957</u>	<u>Vũng Tàu</u>	<u>Nữ</u>	<u>M</u>	<u>Vợ</u>	
2. <u>Lê Chấn Giác</u>	<u>08.01.1983</u>	<u>Vũng Tàu</u>	<u>Nam</u>	<u>S</u>	<u>Con trai</u>	
3. <u>Lê Chấn Chánh</u>	<u>13.04.1984</u>	<u>Vũng Tàu</u>	<u>Nam</u>	<u>S</u>	<u>Con trai</u>	
4. _____						
5. _____						
6. _____						
7. _____						
8. _____						
9. _____						
10. _____						
11. _____						
12. _____						

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

LÊ THỊ ĐỨC

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

Chị

c. Address
Địa-chỉ

U.S.A.

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

14.7.1972

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

Lê Văn Diên, 1913, Chết.

2. Mother
Mẹ

Nguyễn Thị Tài, 1917, Chết.

3. Spouse
Vợ/Chồng

Trần Thị Trú Hằng, 1957, Sống.

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

(1)

Lê Chơn Giác 1983

Sống

(2)

Lê Chơn Chánh 1984

Sống

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em:

(1)

Lê Thị Nhân, 47t, Chị,

Sống

(2)

Lê Quang Đạt, 46t, Anh,

Sống

(3)

Lê Thị Tài, 45t, Chị,

Sống

(4)

Lê Thị Tinh, 43t, Chị,

Chết

(5)

Lê Quang Đạo, 42t, Anh,

Sống U.S.

(6)

Lê Thị Đức, 41t, Chị,

Sống U.S.

(7)

Lê Chí Thiên, 38t, Anh,

Sống U.S.

(8)

Lê Hùng Thắng, 35t, Em,

Chết

(9)

Lê Tài Hiền, 33t, Em,

Sống

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: LÊ TRUNG - TÂN

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 23-9-1972 Đến 30-4-1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Thiếu úy Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: 73/146112

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chúng : Học Trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Học trường ngày 21-4-1975 bổ sung về Tiểu Đ
6 Nhảy Dù.

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

Biển cô ngày 30-4-1975

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Phần-thưởng hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thư nếu có.

Đúng sự có không? Có Không X.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

From

To

Ngày, tháng, năm

Từ:

Đến:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không X)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

LÊ TRUNG-TÂN

2. Time in Reeducation: From:

To:

Thời gian học-tập

Từ:

06-06-1975

Đến:

15-11-1980

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Tôi đã theo học khóa H, Hiến Dịch Trại Học Chiến
Tranh Chính Trị Hà Lạt, trước thời gian 30-4-75 trước di tản
Về Triều Tiên sau CTCT ra làm lễ ra trại ngày 21-4-75. (Ra trại
trở 5 tháng vì tham gia chiến dịch Dân Vận (1973) và Bình Văn (1974)
Được bà sung về Triều Tiên 5 tháng Mỹ trong thời gian lớn xôn nên
chưa biết tên sĩ quan chỉ huy.

Signature

Date

Ký tên:

Lê Trung Tân

Ngày:

28-6-1989

J. Please list Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1/ 1 Bản sao giấy ra trại

2/ 4 Bản sao khai sinh.

3/ 2 Bản sao giấy chứng minh.

4/ 1 Bản sao hồ khẩu

5/ 1 Bản sao hôn thú

6/ 1 tấm hình 4x6

7/ 1 hình quân nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BỘ TƯ LỆNH

GIẤY RA TÊN

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

SỐ Y



Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Phụ lục 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

BO HỌI VI
Trị các
20

Xác định

Đã nhận được báo cáo của cơ quan

Ngày 18.11.60

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

Thống kê số 100-BCA/T. ngày 31 tháng 1 năm 1961

BỘ NỘI VỤ
Trại cải tạo Hàm
Số: /GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

G. I. A. Y. R. A. T. R. A. S. T. A.

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31 tháng 1 năm 1961

quy định về

Thi hành quy định của pháp lệnh số 151/QĐ ngày 30-10-1980 của

Ủy ban

Nay cấp giấy cho anh có tên sau đây

Họ, tên khai sinh : LÊ TRUNG TÂN

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bị danh

Sinh ngày 26 tháng 1 năm 1953

08.11.1953 Tỉnh : Đồng Nai

Hội viên thường trú trước khi bị bắt : 060 Q. 32/3 Lê Văn Duyệt
thị trấn, vùng tàu

Cán bộ : Thiếu úy trung tá trưởng ngành

Bị bắt ngày : 6-6-1975

Ánh sáng TTCT

Nay bị bắt tại : 060 Q. 32/3 Lê Văn Duyệt

NHÂN XÉT SỰ THỰC CẢI TẠO

Tư tưởng : Thời gian cải tạo ban đầu chưa được thực sự ăn tâm
nhưng về sau có nhiều chuyển biến tiến bộ

Lao động : Tham gia đầy đủ ngày công kết quả lao động khá

Nội qui : Đã bị xử lý kỷ luật 1 lần năm 1977 từ năm 1978 đến
nay chưa có biểu hiện gì sai phạm lớn

Lên tay ngôn ngữ

Họ, tên chữ ký của

/)/ ngày 11 tháng 11 năm 1980

người được cấp giấy

GIẤY THỰC

Thiếu PHẠM



ORDERLY DEPARTURE PROGRAM MIGRATION AND REFUGEE SERVICES
AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF
ODP-IV#
(if known)
DATE FILED

DIOCESE OF ARLINGTON
915 S. WAKEFIELD STREET
ARLINGTON, VA 22204

8/28/89

SECTION I:

I am filing the Affidavit for the following relative(s) still in Vietnam to come to the United States under the Orderly Departure Program (ODP):

NAME AND A/K/A (underline family name)	SEX	PLACE/DATE OF BIRTH (If Known)	RELATION TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM
LE, Tan Trung	Male	Phuoc Hai-5/26/53	Brother	260/4 To 2 duong Le Loi Phuong 7 Dac Khu Vung
TRAN, Tuy-Hang TH	Female	Thang Nhi-11/24/57	Sister-In-Law	" Con Dao
LE, Giac Chon	Male	Vung Tau 1/8/83	Nephew	"
LE, Chanh Chon	Male	Vung Tau 4/13/84	Nephew	"

SECTION II:

Your name MAIER, Le TH Alien Number (if applicable)
(and A/K/A)
Date of birth 02-15-50 Sex Female Your U.S. Immigration Status
Place or birth (Check one):
(Include Country) Phuoc Hai, Phuoc Tuy (x) U.S. Citizen certificate#
Current address () Permanent Resident
() Refugee
() Asylee
() Other (Please Explain):
Phone Number (home) (work)
Country of first asylum
Date you arrived in the U.S. 07-14-72 Your Original Case Number:
Social Security #
Agency through which you came to the United States K-Visa

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting this affidavit ☒ Yes ☐ No. If yes, date submitted: 8-2-89 and date approved:

YOU MUST INCLUDE A COPY OF BOTH SIDES OF YOUR I-94 OR YOUR PERMANENT RESIDENT ALIEN CARD (I-151, I-551, GREEN CARD). WITHOUT THESE DOCUMENTS, YOUR AFFIDAVIT IS NOT VALID.

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees, persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoners; or Amerasians, please complete the information in Section III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian American.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT	DATE/ PLACE OF BIRTH	RELATION (if any)	ADDRESS IN VIETNAM
LE, Tan Trung	Phuoc Hai	Brother	260/4 To 2 duong Le Loi Phuong 7 Dac Khu Vung tau Con Dao

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant)

GOVERNMENT EMPLOYEE:

U.S. Government Agency: _____ Last Title/Grade: _____
Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation: _____
Last Title/Grade: _____ Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit: 6th AirBorn Battr Last Title/Grade: Second Lieutenant
Name/Position of Supervisor: _____

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP:

Was time spent in re-education camp? Yes _____ No _____ Date: From _____ to _____

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

School: _____ Location: _____
Type of Degree or Certificate: _____
Date Employment or Training: from (month/year) _____ to (month/year) _____

ASIAN AMERICANS

Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
Full Name of the Mother: _____ Address: _____
Full Name of the U.S. Citizen Father: _____
His current address: _____

SECTION IV:

NAMES OF DEPENDENT/
ACCOMPANYING RELATIVES

DATE OF BIRTH

RELATIONSHIP TO P.A.

TRAN, Tuy Hang T.	11-24-57	Wife
LE, Giac Chon	01-08-1983	Son
LE, Chanh Chon	04-13-1984	Son
<u>Same as in front</u>		

ADDITIONAL INFORMATION:

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

L. B. Maier
Your Signature

Stamp or Seal of Notary

Subscribed and sworn to me before this 1 day
of August, 19 89

Diana J. Cannon
Signature of Notary Public

My commission expires: MY COMMISSION EXPIRES MAY 25, 1991

SECTION V: AGENCY REPRESENTATIVE WHO ASSISTED IN PREPARING THIS AFFIDAVIT

Print Name Legibly

Signature

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

Xã, Thị trấn Thống Nhất

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh _____

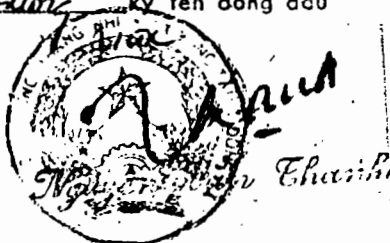
BẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố 17Quyển số 2

Họ và tên	<u>LÊ CHƠN - GIÁC</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>8 - 1 - 83</u>		
Nơi sinh	<u>Vũng - Tàu</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Lê Trung - Tân</u> <u>26 - 05 - 1953</u>	<u>Trần Thị Tuyết Hằng</u> <u>24 - 11 - 1957</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt - Nam</u>	<u>Việt - Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Công nhân</u>	<u>Nội - trợ</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>Lê Trung Tân, sinh năm 1953.</u>		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CN: C của người đứng khai	<u>06Q. 10' 13 Trần Phú Lăng Ông</u> <u>Thống Nhất Vũng Tàu.</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 10 tháng 01 năm 1983Ngày 10 tháng 01 năm 1983

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBND: Nguyễn Văn Thanh ký tên đóng dấuNguyễn Văn Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Thăng Nhì
Thị xã, Quận _____
Thành phố, Tỉnh _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SANH

Số 132
Quyển số 3

Họ và tên	<u>LÊ CHƠN CHANH</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng năm	<u>13 - 04 - 1984</u>		
Nơi sinh	<u>Thăng Nhì Hưng - Lào</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Lê Trung Tân</u> <u>25.05.1953</u>	<u>Trần Thị Tuyết Hằng</u> <u>24.11.1957</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt - Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Công Nhân Viên</u>	<u>Buôn Bán</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>69 Trần Phú Thăng</u>	<u>69 Trần Phú</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Trung Tân</u> <u>69 Trần Phú Thăng Nhì Hưng Lào</u> <u>Số giấy Chứng Minh 276.666.988</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 17 tháng 04 năm 1984
(ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày 23 tháng 4 năm 84
TM. UBND Thăng Nhì ký tên đóng dấu



Nguyễn Văn Thanh



Nguyễn Văn Thanh

Số hiệu

(1)

NAISSANCE

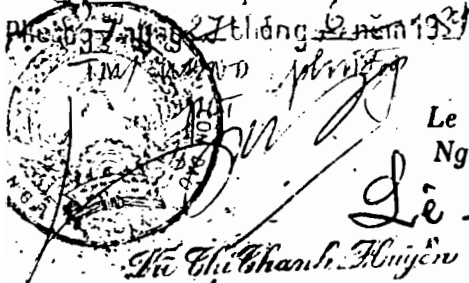
Sanh

Nom et prénom de l'enfant Tên họ đứa con nít	Lê -bung -Đàn
Son sexe Nam, nữ	Nam
Date de naissance Sanh ngày nào	Lê 26 Mai 1953
Lieu de naissance Sanh tại chỗ nào	Phước Hải
Nom et prénom de son père (pour les Enfants nés hors mariage, le nom de la mère devra seul être indiqué) Tên, họ cha (con sanh không phép cưới kể tên họ mẹ mà thôi)	Lê -văn -Diệu
Sa profession Chức làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Hải
Nom et prénom de sa mère Tên, họ mẹ	Nguyễn Thị Đào
Sa profession Chức làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Hải
Son rang de femme mariée Vợ chánh hay là vợ thứ	Vợ chánh
Nom et prénom du déclarant Tên, họ người khai	Lê -văn -Diệu
Son âge Mấy tuổi	Bốn mươi một tuổi
Sa profession Chức làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Hải
Nom et prénom du 1 ^{er} témoin Tên, họ người chứng thứ nhất	Nguyễn Văn Khứt
Son âge Mấy tuổi	Ba mươi sáu tuổi
Sa profession Chức làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Hải
Nom et prénom du 2 ^e témoin Tên, họ người chứng thứ hai	Lê -văn -Già
Son âge Mấy tuổi	Bốn mươi tám tuổi
Sa profession Chức làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Hải

(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lề chứa đề mà lược biên án tòa cải giấy khai sanh lại.

SAO Y



A. Baria, le 195

T. Phước Hải, ngày 30 Mai 1953

Le déclarant,
Người khai,L'Officier de l'Etat Civil,
Chức việc coi bộ đời,Les témoins,
Các người chứng,

Lê -văn -Diệu

Nguyễn Văn Khứt

Lê -văn -Già

NAM-VIET

L. ANG

PHƯỚC-HẢI

TINH-BARIA

Nota. — Les blancs non utilisés devront être complis par un trait.
Phát biểu. — Chỗ trắng không dùng tới thì phải gạch ngang.

KHAI SANH



SAO Y BỘ ĐỘI:

Thăng-Nhị ngày 07-9-65

Phó chủ tịch kiêm H.T.

NGUYỄN-VĂN-DƯƠNG

Nhận-thục chữ ký của
Hành Chánh khu Phố Thăng-Nhị

Ngày 20 tháng 9 năm 1965



Hành Chánh khu Phố Thăng-Nhị

SAO Y

Phường Thăng-Nhị, ngày 25 tháng 11 năm 1957

Người khai,
Ký tên: BắpHộ-lại,
KÂM-MINH-DONhân chứng,
Tứ và Bồ

Trụ Thị Chánh khu Phố Thăng-Nhị

Tên, họ ấu nhi:	TRẦN-THỊ-TÚY-HÀNG
Phái:	Nữ
Ngày sinh:	Ngày hai mươi bốn tháng mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy (23 giờ)
Sinh tại:	Nhà bảo sanh Anh-Khoa Thăng-Nhị
Tại:	TRẦN-VĂN-BẮP
Chưa:	Bốn mươi bốn tuổi
(Tên, họ)	Tín hiệu viên hải đăng
Tuổi:	Nhà ấp E Thăng-Nhị
Nghề-nghiep:	Lê-Thị-Điểm
Cư-trú tại:	Ba mươi sáu tuổi
Mẹ:	nội trợ
(Tên, họ)	Nhà ấp E Thăng-Nhị
Tuổi:	V.ơ chánh
Nghề-nghiep:	Trần-Văn-Bắp
Cư-trú tại:	Bốn mươi bốn tuổi
Vợ:	Tín hiệu-Viên Hải đăng
Người khai:	Nhà ấp E Thăng-Nhị
(Tên, họ)	Ngày hai mươi lăm, tháng mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy
Tuổi:	Võ Thị-Tứ
Nghề-nghiep:	Nữ hộ sinh
Cư-trú tại:	Nhà ấp E Thăng-Nhị
Người chứng thứ nhất:	Nguyễn-Văn-Bố
(Tên, họ)	Hai mươi tám tuổi
Tuổi:	buôn bán
Nghề-nghiep:	Nhà ấp E Thăng-Nhị
Cư-trú tại:	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **270072002**

Họ tên **TRẦN THỊ HUY HANG**

Sinh ngày **21-11-1957**

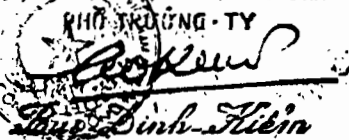
Nguyên quán **Thăng nhĩ**

Vùng tàu, Đông nai

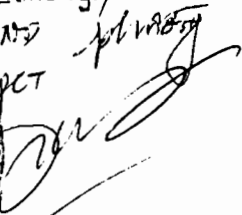
Nội đồng trị 260/A Lê Lợi

Vùng tàu, Đông nai

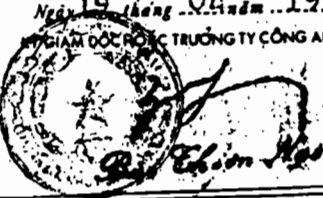


Dân tộc: <u>Kinh</u> Tôn giáo: <u>Không</u>	
 NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH <u>Sẹo đâm C.2cm dưới</u> <u>sau đuôi mắt trái.</u>
	Ngày: <u>7</u> tháng <u>6</u> năm <u>1978</u> KÝ/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN PHÒNG TRƯỞNG - TY  <u>Trần Đình Hiền</u>
 NGÓN THUMB PHẢI	

S. C. V
 Phòng 7 ngày 27 tháng 6 năm 1978

 PCT

Trần Đình Hiền



Dân tộc: <u>Kinh</u> Tôn giáo: <u>Phật</u>	
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
NGÓN TRỎ TRÁI	Hết tuổi nới 0.6cm dưới trước dải tai trái.
	Ngay 19 tháng 04 năm 1983. CHIAM ĐOC HOAC TRUONG TY CONG AN
NGÓN TRỎ PHẢI	

SAO Y

Phòng 7 ngày 27 tháng 1 năm 1987

pinh

Đo Thị Thanh Huyền

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP — TỰ DO — HẠNH PHÚC

Mẫu HT 13/P3

Xã, Thị trấn : Thăng nhĩ

Thị xã, Quận : _____

Thành phố, Tỉnh : Liêng tâu ơ

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số : 49

Quyển số : 01

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	<u>Lê Trung Ân</u>	<u>Trần Thị Quý Hằng</u>
Sinh ngày, tháng, năm hay tuổi	<u>21. 5. 1953</u>	<u>21. 11. 1957</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Lông nhàn</u>	<u>Nhà tư</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường/ trú	<u>6 Q. Long An - Thăng nhĩ</u>	<u>160/4 Lê Lộ - Thăng nhĩ</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	<u>271 461 988</u>	<u>270672002</u>

Người chồng ký

Lê Trung Ân

Lê Trung Ân

Người vợ ký

Trần Thị Quý Hằng

Trần Thị Quý Hằng

Đã ký ngày 6 tháng 8 năm 1981.

TM/UBND Phước Thịnh Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Phước Thịnh

NIÊN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 7 tháng 8 năm 1981

TM/UBND Phước Thịnh Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Phước Thịnh



SAO Y

Phước Thịnh, 21 tháng 6 năm 1981

Phước Thịnh

Phước Thịnh

Phước Thịnh

Phước Thịnh

Phước Thịnh

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

Số: 8429 CN



Họ và tên chủ hộ: TRẦN VĂN BẮP

Số nhà 260/4 Ngõ, (hẻm) 200' 12' Lê Lợi

Đường phố Lê Lợi Quận CAND Thăng Nhất

Thị xã, quận, thành phố trực thuộc tỉnh

ĐẶC KHU VÙNG TÀU – CÔN ĐẢO

Thăng Nhất, ngày 07 tháng 03 năm 1985

TRƯỞNG CÔNG AN

(Ký tên, đóng dấu, ghi họ, tên)



Mẫu NK4

Trần Kim Hoan

NK 4

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRÔNG HỘ

[illegible]

92856

Republic Of Viet Nam

Thang Nhi Village

Vung Tau Province

MARRIAGE LICENSE

No 49

Certificate No 01

	<u>HUSBAND</u>	<u>WIFE</u>
FULL NAME	LE Trung Tan	TRAN Thi Tuy Hang
DATE OF BIRTH	May 26, 1953	November 24, 1957
COUNTRY	Vietnam	Vietnam
OCCUPATION	Self-Employed	House-wife
RESIDENCE	6 Q Lang Ong Thang Nhi	260/4 Le Loi Thang Nhi
ID CARD NUMBER	271 461 988	270072002

Signature of Husband
Le Trung Tan

Signed: Pham Thanh Tung (with seal)
June 8, 1981

A TRUE EXTRACT

Signature of Wife
Tran Thi Tuy Hang

CERTIFIED TRUE TRANSLATION

Signature of Translator
L. B. Mair

Subscribed and sworn to before me this

12 August 89
Diana J. Carnon
Notary Public

NOTARY PUBLIC, VUNG TAU, 1981

CERTIFICATE OF LIVE BIRTH

Certificate No 134

CHILD NAME	<u>TRAN THI TUY HANG</u>
SEX	Female
DATE OF BIRTH	November 24, 1957 at 11PM
PLACE OF BIRTH	ANH KHOA Hospital Thang Nhi
FATHER - NAME	Tran Van Bap
AGE	Forty-Four
FATHER OCCUPATION	Navigater
ADDRESS	Thang Nhi Village
MOTHER - NAME	Le Thi Diem
MOTHER OCCUPATION	House-wife
ADDRESS	Thang Nhi Village
WIFE CONDITION	First Wife
NAME OF PERSON REGISTER	Tran Van Bap
AGE	Forty-Four
OCCUPATION	Navigater
ADDRESS	Thang Nhi Village
REGISTRATION DATE	November 15, 1957
First WITNESS	VO Thi Tu
OCCUPATION	Register Nurse
ADDRESS	Thang Nhi Village
Second WITNESS	Nguyen Van Bo
AGE	Twenty-eight
OCCUPATION	Self Employed
ADDRESS	Thang Nhi Villllage

Subscribed and sworn to before me this
12 August 1988
Diana J. Cannon
 Notary Public

MY COMMISSION EXPIRES MAY 25, 1991

A TRUE EXTRACT:

November 25, 1957

CERTIFIED TRUE TRANSLATION

Signature of Translator

L. Z. Maiter

Thang Nhi Village
Vung Tau Province

REPUBLIC OF VIET NAM

No 49
Certificate No 3

CERTIFICATE OF LIVE BIRTH

CHILD NAME	<u>LE</u> CHON CHANH
DATE OF BIRTH	April 13, 1984
SEX	Male
PLACE OF BIRTH	Thang Nhi Vung Tau
FATHER - NAME	<u>LE</u> Trung Tan
DATE OF BIRTH	May 26, 1953
MOTHER - NAME	<u>TRAN</u> Thi Tuy Hang
DATE OF BIRTH	Nov 24, 1957
NAME COUNTRY	Vietnam
FATHER-OCCUPATION	Self Employed
MOTHER-OCCUPATION	House wife
NAME & ADDRESS OF PERSON WHO REGISTER	<u>LE</u> Trung Tan 06Q To 13 Tran Phu Lang Ong Thang Nhi
REGIGTER NUMBER	271-461-988

A TRUE EXTRACT:

April 23, 1984

CERTIFIED TRUE TRANSLATION

Signature of Translator

Le Toi Mai

12 August 89
Diana J. Cannon

CERTIFICATE OF LIVE BIRTH

CHILD NAME	<u>LE</u> TRUNG TAN
SEX	Male
DATE OF BIRTH	May 26, 1953
PLACE OF BIRTH	Phuoc Hai
FATHER NAME	Le Van Dieu
FATHER OCCUPATION	Self Employed
ADDRESS	Phuoc Hai
MOTHER NAME	Nguyen Thi Tai
MOTHER OCCUPATION	Self Employed
Address	Phuoc Hai
WIFE CONDITION	First Wife
NAME OF PERSON REGISTER	Le Van Dieu
AGE	Forty one
OCCUPATION	Self Employed
ADDRESS	Phuoc Hai
FIRST WITNESS	Nguyen Van Nhut
AGE	Thirty-Six
OCCUPATION	Self Employed
ADDRESS	Phuoc Hai
SECOND WITNESS	Le Van Gia
AGE	Forty-eight
OCCUPATION	Self-Employed
ADDRESS	Phuoc Hai

A TRUE EXTRACT:

Phuoc Hai, May 30, 1953

Subscribed and sworn to before me this

12 August 1989
Diana J. Cannon
Notary Public

MY COMMISSION EXPIRES MAY 25, 1991

CERTIFIED TRUE TRANSLATION

Signature of Translator

L B [Signature]

Republic Of Viet Nam

Thang Nhi Village

Vung Tau Province

MARRIAGE LICENSE

No 49

Certificate No 01

	<u>HUSBAND</u>	<u>WIFE</u>
FULL NAME	LE Trung Tan	TRAN Thi Tuy Hang
DATE OF BIRTH	May 26, 1953	November 24, 1957
COUNTRY	Vietnam	Vietnam
OCCUPATION	Self-Employed	House-wife
RESIDENCE	6 Q Lang Ong Thang Nhi	260/4 Le Loi Thang Nhi
ID CARD NUMBER	271 461 988	270072002

Signature of Husband
Le Trung Tan

Signature of Wife
Tran Thi Tuy Hang

Signed: Pham Thanh Tung (with seal)
June 8, 1981

A TRUE EXTRACT

CERTIFIED TRUE TRANSLATION

Signature of Translator
L. B. Maier

Subscribed and sworn to before me this

12 August 89
Diana J. Carnan
Notary Public

1989 AUG 29 1991

CERTIFICATE OF LIVE BIRTH

Certificate No 134

CHILD NAME	<u>TRAN</u> THI TUY HANG
SEX	Female
DATE OF BIRTH	November 24, 1957 at 11PM
PLACE OF BIRTH	ANH KHOA Hospital Thang Nhi
FATHER - NAME	Tran Van Bap
AGE	Forty-Four
FATHER OCCUPATION	Navigator
ADDRESS	Thang Nhi Village
MOTHER - NAME	Le Thi Diem
MOTHER OCCUPATION	House-wife
ADDRESS	Thang Nhi Village
WIFE CONDITION	First Wife
NAME OF PERSON REGISTER	Tran Van Bap
AGE	Forty-Four
OCCUPATION	Navigator
ADDRESS	Thang Nhi Village
REGISTRATION DATE	November 15, 1957
First WITNESS	VO Thi Tu
OCCUPATION	Register Nurse
ADDRESS	Thang Nhi Village
Second WITNESS	Nguyen Van Bo
AGE	Twenty-eight
OCCUPATION	Self Employed
ADDRESS	Thang Nhi Villllage

Subscribed and sworn to before me this
12 of August 1988
Diana J. Cannon
 Notary Public

MY COMMISSION EXPIRES MAY 25, 1991

A TRUE EXTRACT:
 November 25, 1957

CERTIFIED TRUE TRANSLATION

Signature of Translator

L. Z. Maier

Thang Nhi Village
Vung Tau Province

REPUBLIC OF VIET NAM

No 49
Certificate No 3

CERTIFICATE OF LIVE BIRTH

CHILD NAME	<u>LE</u> CHON CHANH
DATE OF BIRTH	April 13, 1984
SEX	Male
PLACE OF BIRTH	Thang Nhi Vung Tau
FATHER - NAME	<u>LE</u> Trung Tan
DATE OF BIRTH	May 26, 1953
MOTHER - NAME	<u>TRAN</u> Thi Tuy Hang
DATE OF BIRTH	Nov 24, 1957
NAME COUNTRY	Vietnam
FATHER-OCCUPATION	Self Employed
MOTHER-OCCUPATION	House wife
NAME & ADDRESS OF PERSON WHO REGISTER	<u>LE</u> Trung Tan 06Q To 13 Tran Phu Lang Ong Thang Nhi
REGIGTER NUMBER	271-461-988

A TRUE EXTRACT:

April 23, 1984

CERTIFIED TRUE TRANSLATION

Signature of Translator

W. Z. ...

12 August 89
Diana J. Cannon

CERTIFICATE OF LIVE BIRTH

CHILD NAME	<u>LE</u> TRUNG TAN
SEX	Male
DATE OF BIRTH	May 26, 1953
PLACE OF BIRTH	Phuoc Hai
FATHER NAME	Le Van Dieu
FATHER OCCUPATION	Self Employed
ADDRESS	Phuoc Hai
MOTHER NAME	Nguyen Thi Tai
MOTHER OCCUPATION	Self Employed
Address	Phuoc Hai
WIFE CONDITION	First Wife
NAME OF PERSON REGISTER	Le Van Dieu
AGE	Forty one
OCCUPATION	Self Employed
ADDRESS	Phuoc Hai
FIRST WITNESS	Nguyen Van Nhut
AGE	Thirty-Six
OCCUPATION	Self Employed
ADDRESS	Phuoc Hai
SECOND WITNESS	Le Van Gia
AGE	Forty-eight
OCCUPATION	Self-Employed
ADDRESS	Phuoc Hai

A TRUE EXTRACT:

Phuoc Hai, May 30, 1953

Subscribed and sworn to before me this

12 August 1989
Diana J. Cannon
Notary Public

MY COMMISSION EXPIRES MAY 25, 1991

CERTIFIED TRUE TRANSLATION

Signature of Translator

L. Z. [Signature]



DIOCESE OF ARLINGTON
915 S. WAKEFIELD STREET
ARLINGTON, VA 22204
DIOCESE OF _____
ODP-IV# _____
(if known)
DATE FILED 8/28/89

SECTION I:

I am filing the Affidavit for the following relative(s) still in Vietnam to come to the United States under the Orderly Departure Program (ODP):

NAME AND A/K/A (underline family name)	SEX	PLACE/DATE OF BIRTH (If Known)	RELATION TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM
LE, Tan Trung	Male	Phuoc Hai-5/26/53	Brother	260/4 To 2 duong Le Loi Phuong 7 Dac Khu Vung
TRAN, Tuy-Hang TH	Female	Thang Nhi-11/24/57	Sister-In-Law	" Con Dao
LE, Giac Chon	Male	Vung Tau 1/8/83	Nephew	"
LE, Chanh Chon	Male	Vung Tau 4/13/84	Nephew	"

SECTION II:

Your name MAIER, Le TH Alien Number (if applicable) _____
(and A/K/A) _____
Date of birth 02-15-50 Sex Female Your U.S. Immigration Status _____
Place or birth _____ (Check one):
(Include Country) Phuoc Hai, Phuoc Tuy (x) U.S. Citizen certificate# _____
Current address _____ () Permanent Resident _____
_____ () Refugee _____
_____ () Asylee _____
Phone Number (home) _____ () Other (Please Explain): _____
(work) _____
Country of first asylum _____ Your Original Case Number: _____
Date you arrived in the U.S. 07-14-72 _____
Social Security # _____
Agency through which you came to the United States K-Visa _____

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting this affidavit ☒ Yes ☐ No. If yes, date submitted: 8-2-89 and date approved: _____

YOU MUST INCLUDE A COPY OF BOTH SIDES OF YOUR I-94 OR YOUR PERMANENT RESIDENT ALIEN CARD (I-151, I-551, GREEN CARD). WITHOUT THESE DOCUMENTS, YOUR AFFIDAVIT IS NOT VALID.

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees, persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoners; or Amerasians, please complete the information in Section III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian American.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT	DATE/ PLACE OF BIRTH	RELATION (if any)	ADDRESS IN VIETNAM
LE, Tan Trung	Phuoc Hai	Brother	260/4 To 2 duong Le Loi Phuong 7 Dac Khu Vung tau Con Dao

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant)

GOVERNMENT EMPLOYEE:

U.S. Government Agency: _____ Last Title/Grade: _____
Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation: _____
Last Title/Grade: _____ Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit: 6th AirBorn Battn Last Title/Grade: Second Lieutenant
Name/Position of Supervisor: _____

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP:

Was time spent in re-education camp? Yes _____ No _____ Date: From _____ to _____

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

School: _____ Location: _____
Type of Degree or Certificate: _____
Date Employment or Training: from (month/year) _____ to (month/year) _____

ASIAN AMERICANS

Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
Full Name of the Mother: _____ Address: _____
Full Name of the U.S. Citizen Father: _____
His current address: _____

SECTION IV:

**NAMES OF DEPENDENT/
ACCOMPANYING RELATIVES**

DATE OF BIRTH

RELATIONSHIP TO P.A.

TRAN, Tuy Hang T.	11-24-57	Wife
LE, Giac Chon	01-08-1983	Son
LE, Chanh Chon	04-13-1984	Son
<u>Same as in front</u>		

ADDITIONAL INFORMATION:

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

L. B. Nasser
Your Signature
Stamp or Seal of Notary

Subscribed and sworn to me before this 1 day
of August, 19 89

Diana J. Cannon
Signature of Notary Public

My commission expires: MY COMMISSION EXPIRES MAY 25, 1991

SECTION V: AGENCY REPRESENTATIVE WHO ASSISTED IN PREPARING THIS AFFIDAVIT

Print Name Legibly

Signature

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2, P3

Xã, thị trấn Thăng Nhị

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

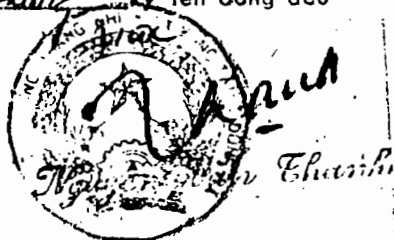
BẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố 17Quyển số 2

Họ và tên	<u>LÊ CHƠN - GIÁC</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>8 - 1 - 83</u>		
Nơi sinh	<u>Vũng - Tàu</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Lê Trung - Tân</u> <u>26 - 05 - 1953</u>	<u>Trần Thị Tuyết Hằng</u> <u>24 - 11 - 1957</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt - Nam</u>	<u>Việt - Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Công nhân</u>	<u>Nội - trợ</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>Lê Trung Tân, sinh năm 1953.</u>		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CN.C của người đứng khai	<u>06Q. Tổ 13 Trần Phú Tầng Ông</u> <u>Thăng Nhị Vũng Tàu.</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 10 tháng 01 năm 1983Ngày 10 tháng 01 năm 1983

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBND: Nguyễn Văn Thanh ký tên đóng dấuNguyễn Văn Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Thăng Nhì
Thị xã, Quận _____
Thành phố, Tỉnh _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SANH

Số 132
Quyền số 3

Họ và tên	<u>LÊ CHƠN CHANH</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng năm	<u>13 - 04 - 1984</u>		
Nơi sinh	<u>Thăng Nhì Vũng Tàu</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Lê Trung Tân</u> <u>25.05.1953</u>	<u>Trần Thị Tuyết Hằng</u> <u>24.11.1957</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt - Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Công Nhân Viên</u>	<u>Buôn Bán</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>6Q Trần Phú Thăng Nhì</u>	<u>6Q Trần Phú</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Trung Tân</u> <u>6Q Trần Phú Thăng Nhì Vũng Tàu</u> <u>Số giấy Chứng Minh 276.606.988</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đã ký ngày 17 tháng 04 năm 1984
(ký lên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày 23 tháng 11 năm 84
TM. UBND Thăng Nhì ký tên đóng dấu


Nguyễn Văn Thành



ivan
Nguyễn Văn Thành

Số biểu (1)

NAISSANCE

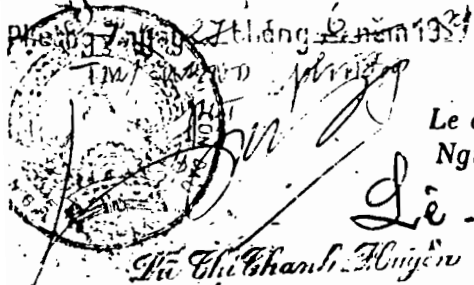
Sanh

Nom et prénom de l'enfant Tên họ đứa con nít	Lê Văn Căn
Son sexe Nam, nữ	Nam
Date de naissance Sanh ngày nào	Le 26 Mai 1953
Lieu de naissance Sanh tại chỗ nào	Phước Hải
Nom et prénom de son père (pour les Enfants nés hors mariage, le nom de la mère devra seul être indiqué) Tên, họ cha (con sanh không phép cưới kể tên họ mẹ mà thôi)	Lê Văn Diên
Sa profession Chức làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Hải
Nom et prénom de sa mère Tên, họ mẹ	Nguyễn Thị Đài
Sa profession Chức làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Hải
Son rang de femme mariée Vợ chánh hay là vợ thứ	Vợ chánh
Nom et prénom du déclarant Tên, họ người khai	Lê Văn Diên
Son âge Mấy tuổi	Bốn mươi một tuổi
Sa profession Chức làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Hải
Nom et prénom du 1 ^{er} témoin Tên, họ người chứng thứ nhất	Nguyễn Văn Khứt
Son âge Mấy tuổi	Ba mươi sáu tuổi
Sa profession Chức làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Hải
Nom et prénom du 2 ^e témoin Tên, họ người chứng thứ nhì	Lê Văn Gia
Son âge Mấy tuổi	Bốn mươi tám tuổi
Sa profession Chức làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile Nhà cửa ở đâu	Phước Hải

(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lề chứa đề mà lược biên án tòa cải giấy khai sanh lại.

SAO Y



A. Baria, le 195
Tại Phước Hải, ngày 30 Mai 1953

Le déclarant,
Người khai,

L'Officier de l'Etat Civil,
Chức việc coi bộ đời,

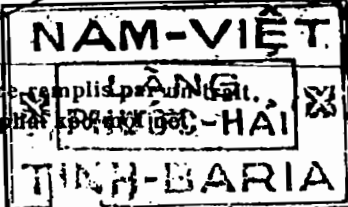
Les témoins,
Các người chứng,

Lê Văn Diên

Nguyễn Văn Khứt

Lê Văn Gia

Nota. — Les blancs non utilisés devront être complétés ultérieurement.
Phải biết. — Chỗ trắng không dùng tới thì phải bổ sung.



KHAI SANH



SAO Y BỘ ĐỘI:

Thăng-N¹ ngày 07-9-65
Phó chủ tịch kiêm H.T.

[Signature]

NGUYỄN-VĂN-DƯƠNG

Nhân-thức chữ ký của
Hành-Chánh của Phường-Thăng-N¹

ngày 20 tháng 9 năm 5



Đang

SAO Y

Phường-Thăng-N¹ năm 1957 làm tại Thăng-N¹, ngày 25 tháng 11 năm 1957



[Signature]

Người khai,
Ký tên: Bắp

Họ-lai,
KAM-MINH-DO

Nhân chứng,
Tứ và Bồ

Tên, họ đầu nhi:	TRẦN-THỊ-TÚY-HÀNG
Phái:	Nữ
Ngày sinh:	hai mươi bốn tháng mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy (23 giờ)
Sinh (Ngày, tháng, năm):	
Tại:	Nhà bảo sanh Anh-Khoa Thăng-N ¹ TRẦN-VĂN-BẮP
Cha:	
(Tên, họ):	
Tuổi:	Bốn mươi bốn tuổi
Nghề-nghiệp:	Tín hiệu viên hải đăng
Cư-trú tại:	Nhà ấp E Thăng-N ¹
Mẹ:	
(Tên, họ):	
Tuổi:	Lê-Thị-Điểm Ba mươi sáu tuổi
Nghề-nghiệp:	nội trợ
Cư-trú tại:	Nhà ấp E Thăng-N ¹
Vợ:	V.ơ chánh
Người khai:	TRẦN-VĂN-BẮP
(Tên, họ):	
Tuổi:	Bốn mươi bốn tuổi
Nghề-nghiệp:	Tín hiệu-Viên Hải đăng
Cư-trú tại:	Nhà ấp E Thăng-N ¹
Ngày khai:	Ngày hai mươi lăm, tháng mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi bảy
Người chứng thứ nhất:	
(Tên, họ):	Võ Thị-Tứ
Tuổi:	Nữ hộ sinh
Nghề-nghiệp:	Nhà ấp E Thăng-N ¹
Cư-trú tại:	Nguyễn-Văn-Bồ
Người chứng thứ nhì:	
(Tên, họ):	Hai mươi tám tuổi
Tuổi:	buôn bán
Nghề-nghiệp:	Nhà ấp E Thăng-N ¹
Cư-trú tại:	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **270072002**

Họ tên: **TRẦN THỊ TUY HANG**

Sinh ngày: **21-11-1957**

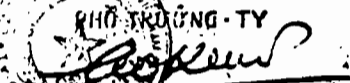
Nguyên quán: **Thăng nhĩ**

Vũng tàu, Đồng nai

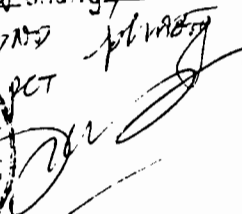
Nơi thường trú: **260/4 Lê Lợi**

Vũng tàu, Đồng nai

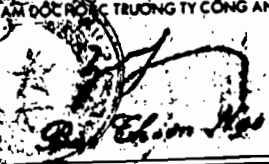


Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
Seo chấm C.2cm dưới sau đuôi mắt trái.	
Ngày 7 tháng 6 năm 1978. KỶ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN PHỐ TRƯỜNG - TỶ  Đinh Liêm	

SAC V
Phường 7 ngày 27 tháng 6 năm 1979

ĐẠI TRƯỞNG AN P7ND
PCT

Thị Thanh Huyền



Dân tộc: <u>Kinh</u> Tôn giáo: <u>Phật</u>	
NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH
	Một vết nứt dài 6.6cm dưới trước dài tại trái.
NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày <u>19</u> tháng <u>01</u> năm <u>1983</u> KIỂM ĐỐC PHÒNG TRƯỞNG TY CÔNG AN 

SAO Y

Phường 7, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh năm 1983



Đã Thị Chẩn Huấn

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP — TỰ DO — HẠNH PHÚC

Mẫu HT 13/P3

Xã, Thị trấn : Thống Nhất

Thị xã, Quận : _____

Thành phố, Tỉnh : Vĩnh Tàu - C

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số : 49

Quyền số : 01

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	<u>Lê Trung Tân</u>	<u>Trần Thị Quý Hằng</u>
Sinh ngày, tháng, năm hay tuổi	<u>28. 5. 1953</u>	<u>28. 11. 1957</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Công nhân</u>	<u>Nhà tư</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường/ trú	<u>62 Lũng Ông - Thống Nhất</u>	<u>60/4 Lê Lộ - Thống Nhất</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	<u>271 461 988</u>	<u>27007 2000</u>

Người chồng ký

Lê Trung Tân

Lê Trung Tân

Người vợ ký

Trần Thị Quý Hằng

Trần Thị Quý Hằng

Đã ký ngày 6 tháng 8 năm 1981.

TM/UBND Phước Thới Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Trần Thanh Tùng

NIÊN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 7 tháng 8 năm 1981

TM/UBND Phước Thới Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Trần Thanh Tùng

SAO Y

Phước Thới ngày 28 tháng 6 năm 1982



Trần Thanh Tùng

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày ____ tháng ____ năm ____
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày ____ tháng ____ năm ____
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày ____ tháng ____ năm ____
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày ____ tháng ____ năm ____
Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

Số: 2429 CN



Họ và tên chủ hộ: TRẦN VĂN BẮP

Số nhà 260/4 Ngõ, (hẻm) Đồ 9 10 Lê Lợi

Đường phố Lê Lợi Quận CAND Thăng nhĩ

Thị xã, quận, thành phố trực thuộc tỉnh

ĐẶC KHU VÙNG TÀU – CÔN ĐẢO

Thăng nhĩ, ngày 07 tháng 03 năm 1985

TRƯỞNG CÔNG AN

(Ký tên, đóng dấu, ghi họ, tên)



Mẫu NK4

Trần Văn Hoan

NK4

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRÔNG HỘ

[illegible]

॥ श्रीगणेशाय नमः ॥

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ TRUNG TÂN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 05 - 26 - 1953, Phường Hải Long Đất Hồng Hải
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): /

MARITAL STATUS Single (Doc than): / Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 260/4, Tổ 2 đường Lê Lợi, Phường 7 Đặc khu
(Dia chi tai Viet-Nam) Vũng Tàu, Côn Đảo.

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Có No (Khong) /
If Yes (Neu co): From (Tu): 06.06.1975 To (Den): 15.11.1980

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại Tân Hiệp B5, Trại Bàu Lắm, Khám đường Bà Rịa
CAMP (Trai tu) Trại Z 30C Hàm Tân Thuận Hải.

PROFESSION (Nghe nghiep): Đạp xích lô.

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): /
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thiếu úy Tán Sĩ Quan.
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): / Date (nam): /

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): /
IV Number (So ho so): /
No (Khong): Không.

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3 Người (Ba).
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi :

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lion lac tai VN): 260/4 Tổ 2 đường Lê Lợi
Phường 7 Đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Lê Thị Đức,

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): Có No (Khong): /

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Chi.

NAME & SIGNATURE: Lê Trung Tân Tanle
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) 260/4 Tổ 2
Phường 7, Đặc khu Vũng Tàu Côn - Đảo.

DATE: 06 28 1989
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

Page :

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ TRUNG TÂN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Trần Thị Túy Hằng	24-11-1957	Vợ.
Lê Chơn Giác	08-01-1983	Con trai.
Lê Chơn Chánh	13-04-1984	Con trai.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

LÊ
Last

TRUNG
Middle

TÂN
First

Current Address

260/4, Tô 2, Đường Lê Lợi, Phường 7, Đặc Khu
Vũng Tàu Côn Đảo

Date of Birth

26-05-1953

Place of Birth

Phước Hải, Long Đất, Bình Nhị

Previous Occupation (before 1975)
(Rank & Position)

Thiếu úy Tân Sĩ Quan, An Ki Tiểu Đán
6 Nhảy Dù

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates : From

05-05-75

To

15-11-1980

3. SPONSOR'S NAME:

LÊ TÀI
Name

ĐỨC

Address & Telephone

Telephone:

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

Lê Thị Đức

Chi

Lê Quang Đạo

Anh

Lê Chí Thiện

Anh

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ TRUNG TÂN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Trần Thị Túy Hằng	24.11.1957	Vợ.
Lê Chơn Giác	08.01.1983	Con trai.
Lê Chơn Chánh	13.01.1984	Con trai.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV //

Date: _____
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhuh Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : LÊ TRUNG TÂN Sex: NAM / Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 26 - 05 - 1953 Phước Hải Long An
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 260/4, Tô 2, đường Lê-Lôi, Phường
Độc Khu Vũng Tàu Côn Đảo, Việt Na.
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : _____
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Đạp Xích - Lô

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relat Liên-hệ	ship la-đình
1. <u>Trần Thị Túy Hằng</u>	<u>24.11.1957</u>	<u>Vũng Tàu, Nữ</u>		<u>M</u>		<u>Vợ</u>
2. <u>Lê Chiên Giác</u>	<u>08.01.1983</u>	<u>Vũng Tàu, Nam</u>		<u>S</u>		<u>Con trai</u>
3. <u>Lê Chấn Chánh</u>	<u>13.04.1984</u>	<u>Vũng Tàu, Nam</u>		<u>S</u>		<u>Con trai</u>
4. _____						
5. _____						
6. _____						
7. _____						
8. _____						
9. _____						
10. _____						
11. _____						
12. _____						

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)
(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

G. Relative Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

LÊ THỊ ĐỨC

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

Chị

c. Address

Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

14.7.1972

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

Lê Văn Diên, 1913, Chết.

2. Mother

Mẹ

Nguyễn Thị Tài, 1917, Chết.

3. Spouse

Vợ/Chồng

Trần Thị Túy Hằng, 1957, Sống.

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children

Con cái:

(1) Lê Chơn Giác 1983, Sống

(2) Lê Chơn Chánh 1984, Sống

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1) Lê Thị Nhân, 47^t, Chị, Sống

(2) Lê Quang Đạt, 46^t, Anh, Sống

(3) Lê Thị Tài, 45^t, Chị, Sống

(4) Lê Thị Tinh, 43^t, Chị, Chết

(5) Lê Quang Đạo, 42^t, Anh, Sống U.S.

(6) Lê Thị Đức, 41^t, Chị, Sống U.S.

(7) Lê Chí Thiên, 38^t, Anh, Sống U.S.

(8) Lê Hùng Thắng, 35^t, Em, Chết

(9) Lê Tài Hiền, 33^t, Em, Sống

BỘ NỘI VỤ
Trại cải tạo Hàm
Số: /GHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đ. I. Á. M. R. A. - T. R. A. M. T.

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31 tháng 5 năm 1961

quy định về

Thi hành quy định của pháp lệnh số 151/QĐ ngày 30-10-1980 của

Ủy ban

Nay cấp giấy này cho anh có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: LÊ TRUNG TÂN

Họ, tên thường gọi:

Họ, tên bị danh:

Sinh ngày 26 tháng 1 năm 1953

08.11.1953 Sinh ở: Đồng Nai

Hội, Ủy ban thường trực trước khi bị bắt: 060 Q. 32/3 Lê Văn Duyệt
thị trấn, vùng tàu

Canh giữ: Thầu vuy trung bị trưng nhay tàu

Bị bắt ngày: 6-6-1977

An ninh: TTCT

Nay bị bắt tại: 060 Q. 32/3 Lê Văn Duyệt

NHÂN XÉT SỰ THỰC CẢI TẠO

Tư tưởng: Thời gian cải tạo ban đầu chưa được thực sự ăn tâm
nhưng về sau có tương đối nhiều chuyển biến tiến bộ

Lao động: Tham gia đầy đủ ngày công kết quả lao động khá

Nội qui: Đã bị xử lý kỷ luật 1 lần năm 1977 từ năm 1978 đến
nay chưa có biểu hiện gì sai phạm nữa.

Lên tay ngón trỏ phải
của LÊ TRUNG TÂN

Họ, tên chữ ký của
người được cấp giấy

/)/ ngày 11 tháng 11 năm 1980
GIÁM THỊ

Thieu PHAN HUE

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SỐ 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA T R A I

Theo đơn số 000-BCA/T.T. ngày 31 tháng 7 năm 1961

Theo đơn số 151/60 ngày 30-10-60 của

SÃO Y

Phụ thuộc năm 1961



Xác định
Đã nhận được báo cáo của

Ngày 18.11.60

T. D. B. H. H.

Thống kê: Thời gian, các số bệnh chữa được theo số...
nhưng về sau, trong có nhiều bệnh nhân...
Đặc biệt: Thêm gia tăng ngay công kết quả, cho công...
Một số: Đã bị ảnh hưởng 1 lần năm 1957 và năm 1958...
nay cũng có một nhân bị sai phạm.

Ho, tên của...
người được...

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

Biên cố ngày 30-4-1975

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đồng ý có không? Có ☐ Không ☒)

C. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Đến:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☒)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☒)

II. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

LÊ TRUNG-TÂN

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

Từ:

To:

Đến:

06-06-1975 15-11-1980

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

☒

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Tôi đã theo học khóa H, Hiến Dịch Trường Đại Học Chiến
Tranh Chính Trị Đà Lạt, trước thời gian 30-4-75 trước di tản
Về Triều Hoàn 30 CTCT rồi làm lễ ra trường ngày 21-4-75. (Đã trừ
trẻ 5 tháng vì tham gia chiến dịch Đồn Vạn (1973) và Bình Văn (1974)
Được bổ sung về Triều Hoàn 5 Nhà Mỹ trong thời gian lớn xôn nên
chưa được tên ở quan chi ruy.

Signature

Ký tên:

Date

Ngày:

Lê Trung Tân

28-6-1989

J. Please list here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1/ 1 Bản sao giấy ra trại

2/ 1 Bản sao khai sinh

3/ 2 Bản sao giấy chứng minh

4/ 1 Bản sao hồ khai

5/ 1 Bản sao hôn thú

6/ 1 tấm hình 4x6

7/ Hình quốc nhân

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____
- Position title
Chức-vụ : _____
- Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____
- Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____
- Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
- Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: LÊ TRUNG - TÂN
2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 23-9-1972 Đến 30-4-1975
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Thiếu úy Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: 73/146112
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chúng : Học Trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Học trường ngày 21-4-1975 bổ sung về Tiểu Học 6 Nhảy Dù.

Pages Removed (S.S.)

2 page(s) was/were removed from the file of Lê Trung Tân (5-26-1953) due to containing Social Security numbers. The page(s) was/were copied with the Social Security numbers covered up. The copy/copies was/were placed into the file of Lê Trung Tân. The original(s) was/were placed into the Restricted/Reserved files.

-Anna Mallett

Date: August 11, 2007